

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: gói thầu “Mua sắm bổ sung bản quyền cho phần mềm quản lý tập trung thiết bị cân bằng tải năm 2026”

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung bản quyền cho phần mềm quản lý tập trung thiết bị cân bằng tải năm 2026

- Phạm vi gói thầu: Mua sắm bổ sung bản quyền cho phần mềm quản lý tập trung thiết bị cân bằng tải, số lượng 05 license;

- Địa điểm thực hiện: Trung tâm dữ liệu (DC), số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 43 ngày, trong đó:

o Cung cấp hàng hóa: 28 ngày;

o Tổ chức triển khai, thử nghiệm hàng hóa: 10 ngày;

o Nghiệm thu hợp đồng: 5 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Chung loại, tiêu chuẩn hàng hóa: Được phép sản xuất, nhập khẩu tại Việt Nam.

- Tài liệu: Hàng hóa phải có tài liệu kỹ thuật/catalog, hướng dẫn sử dụng.

- Hàng hóa được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Bản quyền phần mềm là phiên bản mới nhất của nhà sản xuất.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm hỗ trợ chủ đầu tư thực hiện các công việc: xây dựng phương án, tổ chức triển khai bổ sung thêm license và thiết bị cân giám sát.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

a. Thông số kỹ thuật hàng hóa

Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:

Bảng Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn tối thiểu

STT	Danh mục trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bản quyền cho phần mềm quản lý tập trung thiết bị cân bằng tải F5 BIG-IQ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 12 tháng	license	05

Trong quá trình chuẩn bị E-HSMT, nhà thầu có thể tổ chức khảo sát trực tiếp hệ thống để làm rõ tính tương thích của các hàng hóa và các yêu cầu kỹ thuật khác trong phạm vi gói thầu. Nhà thầu tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập E-HSMT và thực hiện hợp đồng. Toàn bộ chi phí khảo sát do nhà thầu tự chi trả.

Đầu mối liên hệ để thực hiện công tác khảo sát: Trịnh Ngọc Liên - Phó phòng Điều hành Công nghệ thông tin - Trung tâm Hạ tầng Viễn thông và Công nghệ thông tin; điện thoại: 0966636699; email: lientn@evn.com.vn;

Nhà thầu phải soạn một bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó theo mẫu cung cấp bên dưới. Trong bản tuyên bố đáp ứng phải nêu rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT (bao gồm từng khoản mục, đặc tính kỹ thuật chi tiết quy định tại bảng trên). Nhà thầu chỉ được phép sử dụng các từ ngữ sau: “Đáp ứng” “Không đáp ứng” để trả lời về tính đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. Tất cả các đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đều phải được giải thích cụ thể, tham chiếu rõ ràng đến từng dòng/từng trang của tài liệu kỹ thuật.

Bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của hàng hoá trong E-HSMT	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của hàng hoá chào trong E-HSMT	Hồ sơ tham chiếu	Tính đáp ứng của hàng hoá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Nội dung ở các cột (1), (2), (3) phải được lập tương ứng với nội dung của Bảng Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn

- Cách thức trình bày nội dung ở cột (5) như sau: “Tên tài liệu” - “Phần, chương, mục, bảng (nếu có)” - “trang” - “dòng”

- Nội dung ở cột (6) chỉ được ghi “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng”.

b. Yêu cầu dịch vụ liên quan

- Nội dung công việc: xây dựng phương án, triển khai bổ sung thêm license và thiết bị cần giám sát.

Chi tiết về các công việc sẽ thực hiện trong gói thầu được trao đổi, hoàn thiện trong quá trình hoàn thiện Hợp đồng và triển khai gói thầu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1 Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, triển khai hàng hóa

Trong E-HSDT, Nhà thầu lập biện pháp tổ chức cung cấp, triển khai hàng hóa đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Có đầy đủ hạng mục công việc cho tất cả hàng hoá quy định tại tiểu mục 1.2.2 chương này.

- Có phân bổ số lượng nhân sự thực hiện cho từng hạng mục công việc, trong đó phải thể hiện được nhân sự chủ chốt cho hạng mục công việc phù hợp với đề xuất tại Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt (nếu có).

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin cần đáp ứng:

+ Tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và truyền thông: Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

+ Tiêu chuẩn kỹ thuật của EVN:

* Quyết định số 1290/QĐ-EVN ngày 05/09/2022 “Về việc ban hành Tài liệu Bộ quy tắc cấu hình an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”

* Quyết định số 696/QĐ-EVN ngày 30/05/2025 “Ban hành Quy định công tác Viễn thông, Công nghệ thông tin và Tự động hoá trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam”

+ Các thành phần trang bị mới được triển khai, thiết lập, cấu hình đảm bảo tuân thủ Phương án đảm bảo an toàn thông tin hệ thống hiện hữu.

1.3.2 Đào tạo chuyển giao công nghệ

Không có.

1.3.3 Tiến độ triển khai

- Tiến độ triển khai (tổ chức cung cấp, triển khai hàng hóa): Nhà thầu phải có bảng tiến độ triển khai hợp lý, khả thi, phù hợp với phương án triển khai ở trên và đáp ứng tiến độ dự án, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung công việc	Khoảng thời gian	Phân công thực hiện		Ghi chú
			Chủ trì	Phối hợp	
1	Nhận bàn giao hàng	28 ngày	EVNICT	Nhà thầu	Thực hiện song song
2	Thời gian đặt hàng kể từ ngày ký hợp đồng và bàn giao cho chủ đầu tư		Nhà thầu	EVNICT	
3	Triển khai, thử nghiệm các tính năng hàng hóa	10 ngày	EVNICT	Nhà thầu	
3.1	Cài đặt, cấu hình license vào hệ thống	3 ngày			
3.2	Kiểm thử vận hành thiết bị sau khi cấu hình license và nghiệm thu.	7 ngày			
3.3	Tổ chức nghiệm thu hợp đồng	5 ngày	EVNICT	Nhà thầu	
4	Tổ chức nghiệm thu hợp đồng	5 ngày	EVNICT	Nhà thầu	

1.3.4 Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật

- Thời gian bảo hành đối với các hàng hóa theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, nhưng đảm bảo tối thiểu 12 tháng, thời hạn bảo hành được tính kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu kích hoạt bản quyền theo quy định tại mục 3 của chương này. Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu và phải bổ sung, thay thế hàng hóa mới thì thời hạn bảo hành được tính từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu kích hoạt bản quyền được bổ sung, thay thế.

- Hỗ trợ kỹ thuật: Trong thời gian bảo hành, Chủ đầu tư sẽ nhận được dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật liên tục 24 giờ x 7 ngày từ Nhà thầu và Nhà sản xuất. Việc hỗ trợ phải bao gồm các hình thức: hỗ trợ từ xa (điện thoại, email, website...) và hỗ trợ tại chỗ nếu các hình thức hỗ trợ từ xa chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Bảo hành: Ngoài chính sách bảo hành chính hãng theo quy định trong

Bảng Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn tại mục 1.2 chương này, yêu cầu nhà thầu phải thực hiện trách nhiệm bảo hành như sau:

+ Khi có sự cố xảy ra, trong vòng 02 giờ kể từ khi chủ đầu tư thông báo bằng văn bản, fax, email hoặc điện thoại nhà thầu phải liên hệ và hỗ trợ từ xa để khắc phục sự cố.

+ Nếu việc hỗ trợ từ xa không xử lý được, trong vòng 06 giờ tiếp theo nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật đến trực tiếp địa điểm đặt thiết bị và xử lý tại chỗ trên thiết bị.

+ Nếu tiếp tục không xử lý được, trong vòng 12 giờ tiếp theo, nhà thầu phải có phương án thay thế mới (hoặc thay thế tạm thời) thiết bị hỏng hóc hoặc giải pháp tương đương không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống trong thời gian chờ thiết bị được bảo hành.

- Trong E-HSMT Nhà thầu cần cung cấp địa chỉ một đại lý (hoặc đại diện) của nhà thầu tại Thành phố Hà Nội có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác đối với tất cả các hàng hóa trong suốt thời gian bảo hành.

- Nhà thầu phải cung cấp đầu mối liên lạc tối thiểu chức danh là trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng bảo hành hoặc tương đương (thông tin đầu mối bao gồm số điện thoại, email) để chủ đầu tư liên hệ khi cần hỗ trợ kỹ thuật hoặc khi có sự cố. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về đầu mối liên hệ của nhà thầu trong thời gian bảo hành phải thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản.

- Mọi chi phí liên quan đến việc hỗ trợ kỹ thuật và bảo hành do nhà thầu chịu

1.3.5 Các yêu cầu chi tiết đối với bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành

Mục này quy định chi tiết các yêu cầu đối với bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành tại Chương VII của E-HSMT.

1.3.5.1. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), không hủy ngang theo Mẫu số 18 phần IV E-HSMT.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% (năm phần trăm) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến sau) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành (nếu có). Trường hợp

bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là ... phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

1.3.5.2. Bảo lãnh tạm ứng

- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng (theo Mẫu số 19 phần IV E-HSMT).

- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo

giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

+ Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nêu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

1.3.5.3. Bảo lãnh bảo hành

- Bảo đảm bảo hành:

+ Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng được nghiệm thu, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% (năm phần trăm) Giá trị hợp đồng.

+ Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 21 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

1.3.6 Giấy phép bán hàng

Chi tiết tại E-CDNT 16.2 thuộc Chương II E-HSMT.

1.3.7 Quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng

Căn cứ hướng dẫn tại Văn bản số 3485/EVN-QLXD ngày 02/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong thời gian chờ hoàn thiện phần mềm, đề nghị các Nhà thầu nghiên cứu nội dung các quy định này (tài liệu đính kèm E-HSMT):

- (i) Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá: Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025
- (ii) Phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu năm 2024: Quyết định số 28/QĐ-EVNICT ngày 16/01/2025

Mục 2. Bản vẽ

Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Địa chỉ email nhận thông tin bản quyền: license.evnit@evn.com.vn

Sau khi Nhà thầu cung cấp và kích hoạt bản quyền, cán bộ kỹ thuật hai bên sẽ phối hợp kiểm tra hệ thống và ký biên bản nghiệm thu kích hoạt bản quyền nếu thông tin bản quyền đáp ứng yêu cầu hợp đồng.

Nhà thầu chịu trách nhiệm hỗ trợ chủ đầu tư thực hiện các công việc: xây dựng phương án, tổ chức triển khai bổ sung thêm license và thiết bị cần giám sát.

Sau khi chủ đầu tư hoàn thành triển khai bản quyền, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu hợp đồng theo quy định.

